

Tác động của sở hữu nước ngoài đến rủi ro thanh khoản của các ngân hàng thương mại Việt Nam

Phan Diên Vỹ
Phan Thị Linh

Tóm tắt: Nghiên cứu này đánh giá tác động của sở hữu nước ngoài đến rủi ro thanh khoản (RRTK) của các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam thông qua số liệu của 31 ngân hàng giai đoạn 2009–2018. Kết quả nghiên cứu cho thấy, mức độ sở hữu nước ngoài, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu, hệ số tự tài trợ có tác động ngược chiều với RRTR của NHTM và lạm phát có tác động cùng chiều với RRTK của NHTM.

Từ khóa: Ngân hàng thương mại, rủi ro thanh khoản, sở hữu nước ngoài.

Mã phân loại JEL: D12, D19, E42, G21.

Tài liệu tham khảo

- Arellano, M. & Bover, O. (1995). Another Look at the Instrumental Variable Estimation of Error-Component Models. *Journal of Econometrics*, 68, 29-52.
- Basel (2008). Basel III: International framework for liquidity risk measurements, standards and monitoring. *Basel Committee on banking Supervision*, 1-48.
- Berger, A. N. (1995). The Relationship between Capital and Earnings in Banking. *Journal of Money, Credit and Banking, Blackwell Publishing*, 27(2), 432-456.
- Briggs, W. M. (2019). Reality-Based Probability & Statistics: Solving the Evidential Crisis. *Asian Journal of Economics and Banking*, 3(1), 40-87.
- Chính phủ (2014). *Nghị định số 01/2014/NĐ-CP* về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của Tổ chức tín dụng Việt Nam.
- Deléchat, C., Henao, C., Muthoora, P. & Vtyurina, S. (2012). The Determinants of Banks' Liquidity Buffers in Central America. *IMF Working Paper*, 12(301), 1-42.
- Demirgüç Kunt, A. & Huizinga, H. (1998). Determinants of commercial bank interest margins and profitability: Some international evidence. *The World Bank Economic Review* 13, 379.
- Detragiache, E. & Gupta, P. (2004). Foreign banks in emerging market crises: Evidence from Malaysia. *IMF Working Paper* 129.
- Fadare, S. O. (2011). Banking sector liquidity and financial crisis in Nigeria. *International Journal of Economics and Finance*, 3(5), 3-11.
- Fisher, R. A. (1993). *The genetical theory of natural selection*, Clarendon Press, Oxford.
- Freixas, X. & Holthausen, C. (2005). Interbank market integration under asymmetric information. *Review of Financial Studies*, 18, 459.
- Goodhart, C. & Schoenmaker, D. (2006). Burden sharing in a banking crisis in Europe. *Sveriges Riksbank Economic Review*, 2, 34.
- Guglielmo, M. R. (2007). *Managing Liquidity Risk, Bank Accounting & Finance*, 3.
- Laeven, L. (1999). Risk and efficiency in East Asian banks. *World Bank Policy Research Working Paper* 2255.
- Lee, S. W. (2008). Ownership structure, regulation, and bank risk-taking: Evidence from Korean banking industry. *Investment Management and Financial Innovations* 5, 70.
- Chi, L. H. D. & Chau, N. T. M. (2019). Overinvestment and Free Cash Flow: Empirical Evidence from Vietnamese Enterprises. *Asian Journal of Economics and Banking*, 3(2), 40-87.
- Micco, A., Panizza, U. & Yanez, M. (2007). Bank ownership and performance: Does politics matter? *Journal of Banking & Finance* 31, 219.
- Moore, W. (2010). How do financial crises affect commercial bank liquidity? Evidence from Latin America and the Caribbean. *MPRA Paper*, 21473.
- Repullo, R. (2004). Liquidity shortages and banking crises. *The Journal of finance*, 60(2), 615.
- Saunders, A., Strock, E. & Travlos, N.G (1990). Ownership structure, deregulation, and bank risk taking. *The Journal of Finance*, 45, 643.

- Schinasi, G. J. & Teixeira, P. G. (2006). The lender of last resort in the European single financial market. *International Monetary Fund*.
- Schoemaker, D. & Oosterloo, S. (2007). Crossborder Issues in European Financial Supervision. *The Structure of Financial Regulation*, Routledge, London, 264.
- Sử Đình Thành & Vũ Thị Minh Hằng (2008). *Nhập môn Tài chính - Tiền tệ*. Nhà xuất bản Lao động Xã hội.
- Vodová, P. (2013). Determinants of commercial bank liquidity in Hungary. *Financial Internet Quarterly*, e-Finance, 9(3), 64-71.
- Wilbert, C. (2014). Zimbabwean Commercial Banks Liquidity and Its Determinants. *International Journal of Empirical Finance*, 2(2), 52-64.